

Bí Kíp từ vựng siêu dễ nhớ
CHỦ ĐỀ PHIM ẢNH



APOLLO ENGLISH

Mỗi cuối tuần, cùng con đến rạp để cùng thưởng thức những bộ phim “bom tấn” mới nhất và hoành tráng nhất ắt sẽ là một niềm vui giản dị và vui tươi cho cả gia đình, và cùng là một dịp tuyệt vời để dạy tiếng Anh cho con đó!

Cùng Apollo điếm qua những từ vựng dễ nhớ về chủ đề phim ảnh để giúp con cải thiện Anh ngữ nhé!

Bí kíp từ vựng về chủ đề phim ảnh

- Các vật dụng khi xem phim
- Các thể loại phim
- Các câu thoại sử dụng trong rạp phim



Các vật dụng Khi xem phim

Khi bước vào rạp phim lần đầu, ắt con sẽ choáng ngợp bởi những thiết bị hiện đại tại nơi đây.

Đừng quên tận dụng cơ hội này để dạy bé những từ mới về vật dụng tại rạp chiếu phim nhé!

Cinema (n) /'sɪnɪmə:/
Rạp chiếu phim

E.g.:

- Let's go to the **cinema** tonight.
- Tối nay mình đi coi phim đi.



Screen (n) /skri:n/
Màn chiếu

E.g.:

- The **screen** in the cinema is often very wide.
- Màn chiếu trong rạp phim thường sẽ rất rộng.

Popcorn (n) /'pɒpkɔ:n/
Bắp rang

E.g.:

- **Popcorn** is my favourite film snack.
- Bắp rang là món ăn vặt yêu thích của tôi lúc xem phim.



Các vật dụng Khi xem phim

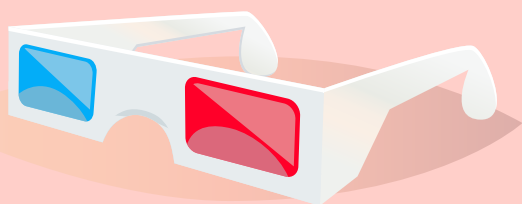
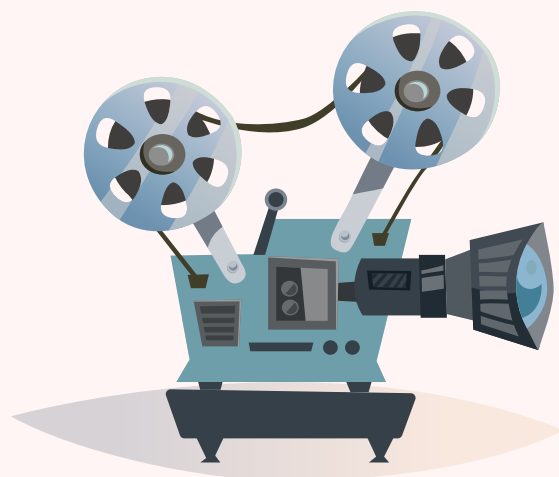
Khi bước vào rạp phim lần đầu, ắt con sẽ choáng ngợp bởi những thiết bị hiện đại tại nơi đây.

Đừng quên tận dụng cơ hội này để dạy bé những từ mới về vật dụng tại rạp chiếu phim nhé!

Projector (n) /prə'dʒektə/
Máy chiếu

E.g.:

- The **projector** is not working.
Something must be wrong.
- Máy chiếu không hoạt động được.
Chắc là có trục trặc rồi.



3D glasses (n) /θriː diː 'glɑːsɪz/
Kính 3D

E.g.:

- You need a pair of **3D glasses** to watch 3D movies.
- Bạn cần phải đeo kính 3D mới coi phim 3D được.

Các thể loại phim

Để giúp con bàn luận về bộ phim yêu thích của mình, hãy dạy con những từ vựng chỉ thể loại phim này nhé.



Action movie (n) /'ækʃ(ə)n 'mu:vi/
Phim hành động

E.g.:

- Let's enjoy some **action movies** tonight!
- Tối nay mình xem phim hành động đi!



Comedy (n) /'kɒmɪdiz/
Phim hài

E.g.:

- This **comedy** is hilarious.
- Bộ phim này thật hài hước.

Các thể loại phim

Để giúp con bàn luận về bộ phim yêu thích của mình, hãy dạy con những từ vựng chỉ thể loại phim này nhé.



Romance (n) /rə(ʊ)'mans/
Phim tình cảm

E.g.:

- What's the most popular **romance** at the moment?
- Bộ phim tình cảm nào đang nổi tiếng nhất hiện nay nhỉ?



Horror movie (n) /'hɒrə 'mu:vi/
Phim kinh dị

E.g.:

- I hate **horror movies**. They are always so scary.
- Mình ghét phim kinh dị lắm. Phim nào cũng đáng sợ cả.

Các thể loại phim

Để giúp con bàn luận về bộ phim yêu thích của mình, hãy dạy con những từ vựng chỉ thể loại phim này nhé.



Documentary (n) /dəkʃə'mentəri/
Phim tài liệu

E.g.:

- **Documentaries** contain a lot of helpful information.
- Các bộ phim tài liệu đều chứa đựng nhiều thông tin bổ ích.



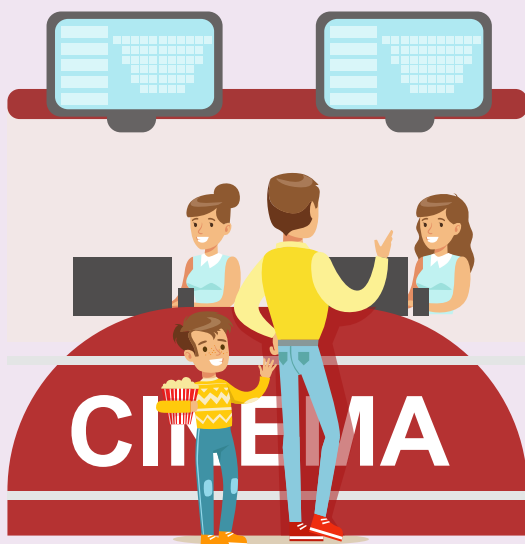
Cartoon (n) /kɑːtuːn/
Phim hoạt hình

E.g.:

- **Cartoons** can be enjoyed by both kids and adults.
- Cả người lớn lẫn trẻ em đều có thể thưởng thức phim hoạt hình.

Các câu thoại thường dùng trong rạp phim

Khi đến rạp phim, thấy bạn trao đổi với nhân viên, có thể bé tò mò hỏi bạn những câu thoại ấy trong tiếng Anh được nói như thế nào. Những mẫu câu sau đây hẳn sẽ làm bé thích thú học tiếng Anh hơn nữa đấy!



Q: What would you like to watch?

Bạn muốn xem phim nào?

1

A: I would like to see a romance, please.

Mình muốn xem một bộ phim tình cảm

2

Q: Where would you like to sit?

Bạn muốn ngồi ở ghế nào?

A: I'd like to sit in row A, number 14, please.

Mình muốn ngồi ở hàng A, ghế 14 nhé.

3

Q: Would you like something to eat while enjoying your movie?

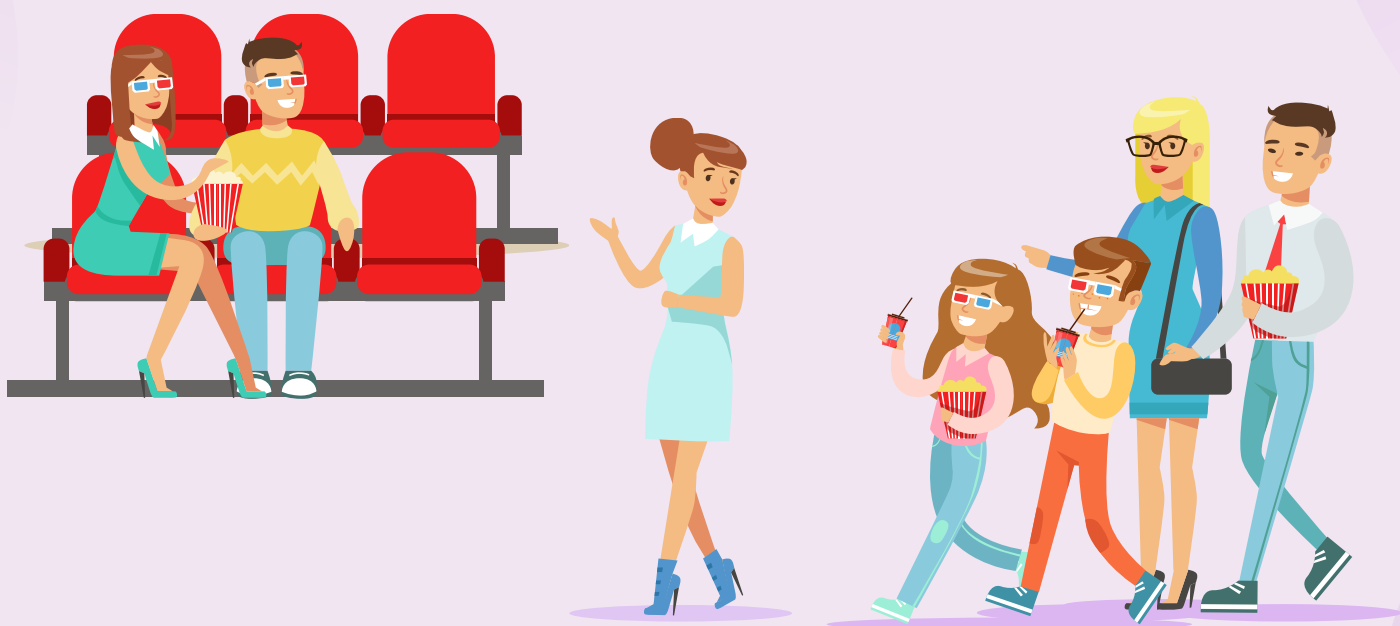
Bạn có muốn mua đồ ăn để thưởng thức trong lúc xem phim không?

A: Can I have a large popcorn please?

Cho mình một phần bắp rang lớn nhé!

Các câu thoại thường dùng trong rạp phim

Khi đến rạp phim, thấy bạn trao đổi với nhân viên, có thể bé tò mò hỏi bạn những câu thoại ấy trong tiếng Anh được nói như thế nào. Những mẫu câu sau đây hẳn sẽ làm bé thích thú học tiếng Anh hơn nữa đấy!



4

Q: How much is it for one ticket?

Giá vé bao nhiêu thế bạn?

A: It's 100.000d per ticket.

Một trăm ngàn nhé bạn.

5

Q: Excuse me, can you show me the way to my seat?

Cảm phiền bạn chỉ đường đến ghế cho mình được không?

A: Please follow me.

Xin hãy theo mình.

Dạy tiếng Anh cho con từ những hoạt động vui chơi, giải trí bé yêu thích cũng chính là cách tốt nhất để bé dễ dàng tiếp thu ngôn ngữ này mai sau.

Apollo English hy vọng rằng tài liệu này sẽ mau chóng giúp con bạn phát huy tối đa tiềm năng và cải thiện kỹ năng Anh ngữ của bé.

Để tìm hiểu thêm về những khóa học của **Apollo English**, hãy vào đây bạn nhé.

<https://apollo.edu.vn/tieng-anh-tre-em>

